

Số: 121/2025/QĐST-HNGĐ

Nam Từ Liêm, ngày 19 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân & Gia đình thụ lý số: 407/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh T; Sinh năm: 1966; Nơi đăng ký HKTT và nơi ở: Số A, ngõ F N, phường Đ, quận N, thành phố Hà Nội;

Bị đơn: Bà Nguyễn Cẩm T1; Sinh năm: 1972; Nơi đăng ký HKTT: Số A B, phường H, quận H, thành phố Hà Nội; Địa chỉ nơi ở: Số A, ngõ F N, phường Đ, quận N, thành phố Hà Nội;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Việt H; Sinh năm: 1976 và bà Nguyễn Thị Tuyết M; Sinh năm: 1978; Cùng địa chỉ: Số A B, phường H, quận H, thành phố Hà Nội;

Căn cứ vào các Điều 55; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân & Gia đình; Điều 212; 213; Khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điểm a Khoản 5, Đ b Khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Q, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 3 năm 2025;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 3 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH :

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa: Ông Nguyễn Minh T và bà Nguyễn Cẩm T1;

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. **Về con chung:** Ông T và bà T1 có 01 con chung là cháu Nguyễn Nam A, sinh ngày 14/10/2008. Bà T1 được trực tiếp nuôi cháu Nam A sau khi ly hôn. Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2.2. **Về cấp dưỡng nuôi con:** Ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con là: 5.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm triệu đồng*)/tháng từ tháng 3/2025 cho đến khi con tròn 18 tuổi.

2.3. **Về tài sản chung:** Ông T, bà T1, ông H, bà M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. **Về nợ chung:** Không có nợ chung;

2.5. **Về án phí:** Ông T tự nguyện chịu cả 150.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng là: 300.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 40.900.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn mươi triệu, chín trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí ông T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm (*Biên lai số 0028041 và 0028043 ngày 01/10/2024*); Trả lại ông T số tiền 40.600.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn mươi triệu, sáu trăm nghìn đồng*);

Trả lại bà Nguyễn Cẩm T1 số tiền 21.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai mươi một triệu đồng*) bà T1 đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm (*Biên lai số 0027628 ngày 12/11/2024*).

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- VKSND Q. Nam Từ Liêm;
- Chi cục THADS Q.Nam Từ Liêm;
- UBND P.Hàng Bồ, Q.Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội (Số:54; Q.01//2006);
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Lệ Thủy

